

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25/4/2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 198/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2021 về “*Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích N - Sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Sĩ T - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Sĩ T: Ông Nguyễn Tường L

Địa chỉ: SHT 26.03 Đường 18A. KĐT L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị S, sinh năm 1980

Trú tại: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Thửa đất số 1455, tờ bản đồ số 15, có diện tích là 278,9m² tọa lạc tại Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hoà theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CY 015452; số vào sổ cấp GCN: CS04954 ngày 31/8/2020 là khối tài sản chung của ông Nguyễn Sĩ T và bà Lê Thị Bích N.

2.1. Bà Lê Thị Bích N và ông Nguyễn Sĩ T xác định giá trị thửa đất là 2.016.000.000đ (hai tỉ mười sáu triệu đồng); khối tài sản chung được chia làm 10 phần, bà N nhận 3 phần, tương đương với giá trị 604.800.000đ (sáu trăm lẻ bốn triệu tám trăm nghìn đồng); ông T

nhận 7 phần, tương đương với giá trị 1.411.200.000đ (một tỉ bốn trăm mười một triệu hai trăm nghìn đồng).

Ông T nhận toàn bộ khối tài sản chung là thửa đất số 1455, tờ bản đồ số 15, có diện tích là 278,9m²; ông Nguyễn Sĩ T có trách nhiệm thối lại số tiền 604.800.000đ (sáu trăm lẻ bốn triệu tám trăm nghìn đồng) cho bà Lê Thị Bích N.

2.2. Tài sản gắn liền với đất gồm:

- Nhà 01 tầng, móng đã chẽ, tường gạch 100, nền men, cửa sắt kính, không trần, mái tôn; diện tích 108,1m²;
- Nhà vệ sinh có diện tích 5,7m²;
- Mái che lợp tôn, cột kèo sắt, nền xi măng; có diện tích, 92,4m²;
- Hàng rào lưới B40 trụ gạch cao 1m4, dài 4,6m;
- Cổng trụ gạch cánh thép + lưới B40, kích thước (2,77x2)m;

Các tài sản gắn liền với đất nêu trên, bà Lê Thị Bích N xác định là tài sản riêng của ông T nên không yêu cầu giải quyết.

2.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S không tranh chấp hay yêu cầu gì nên không xem xét.

2.4. Về chi phí đo vẽ - định giá: Bà N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo vẽ - định giá.

2.5. Về án phí: Ông Nguyễn Sĩ T phải chịu 27.168.000đ (hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung; bà Lê Thị Bích N phải chịu 14.096.000đ (mười bốn triệu chín mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008878 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm. Hoàn trả 15.904.000đ (mười lăm triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) cho bà N.

Quy định: Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi Cục THADS huyện Cam Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Văn Phi